

GỢI Ý ĐÁP ÁN- ÔN TẬP KTGK1

Câu 1: Dựa vào bảng tuần hoàn hãy bổ sung các thông tin:

Số hiệu nguyên tử/ STT/ Ô	Kí hiệu hóa học	Số electron lớp ngoài cùng	Nhóm	Chu kì	Loại nguyên tố
9	F	2; <u>7</u> có 7e	VIIA	2	Phi kim
18	Ar	2;8; <u>8</u> có 8e	VIIIA	3	Khí hiếm
19	K	2;8;8; <u>1</u> có 1e	IA	4	Kim loại

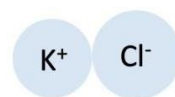
Câu 2: Hoàn thành bảng sau:

CHẤT	Phân tử hợp chất	Phân tử đơn chất	Liên kết ion	LK cộng hóa trị	Khối lượng phân tử
Phosphoric acid có phân tử gồm 3H, 1P, 4O liên kết với nhau.	H ₃ PO ₄			X	$H_3PO_4 = 3.1 + 1.31 + 4.16 = 98 \text{ amu}$
Khí Fluorine có phân tử gồm 2F liên kết với nhau.		F ₂		X	$F_2 = 2.19 = 38 \text{ amu}$
Hydrogen sulfide có 2H và 1S liên kết với nhau.	H ₂ S			X	$H_2S = 2.1 + 1.32 = 34 \text{ amu}$
Calcium oxide có phân tử gồm 1Ca và 1O liên kết với nhau.	CaO		X		$CaO = 1.40 + 1.16 = 56 \text{ amu}$

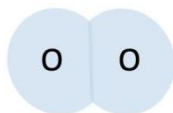
Câu 3: Hoàn thành bảng sau:

Nguyên tử	Số proton	Số neutron	Số electron	Tổng số hạt	Kí hiệu hóa học	Tên nguyên tố
Nguyên tử 1	19	20	19	58	K	Potassium
Nguyên tử 2	20	40	20	60	Ca	Calcium
Nguyên tử 3	17	18	17	52	Cl	Chlorine

Câu 4: Cho mô hình cấu tạo của các phân tử sau: Hãy cho biết, chất nào là chất ion, chất nào là chất cộng hóa trị?



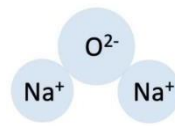
potassium chloride



oxygen



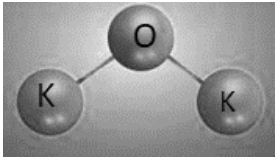
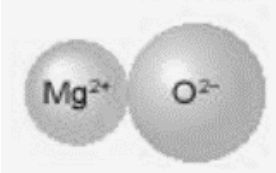
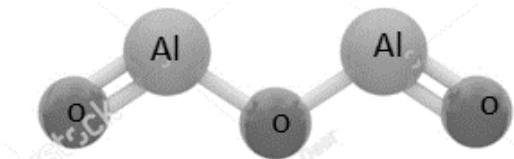
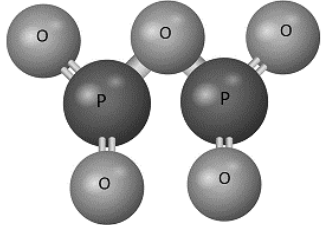
Hydrochloric acid



sodium oxide

- Potassium chloride: là chất ion.
- Oxygen: là chất cộng hóa trị.
- Hydrochloric acid: là chất cộng hóa trị.
- Sodium oxide: là chất ion.

Câu 5: Xác định số lượng nguyên tử của từng nguyên tố trong phân tử của các chất theo hình sau:
 Tính KLPT các hợp chất.

	Xác định và tính Có 2K và 1O trong phân tử K_2O KLPT Potassium oxide $K_2O = 2.39 + 1.16$ $= 78 + 16 = 94$ (amu)
	Có 1Mg và 1O trong phân tử MgO KLPT Magnesium oxide $MgO = 1.24 + 1.16$ $= 24 + 16 = 40$ (amu)
	Có 2Al và 3O trong phân tử Al_2O_3 KLPT Aluminium oxide $Al_2O_3 = 2.27 + 3.16$ $= 54 + 48 = 102$ (amu)
	Có 2P và 5O trong phân tử P_2O_5 KLPT $P_2O_5 = 2.31 + 5.16$ $= 62 + 80 = 142$ (amu)

Câu 6: Đọc đoạn thông tin sau:

- a/ Kí hiệu hóa học của nguyên tố Calcium là **Ca**
- b/ Số proton trong nguyên tử Calcium là **20**
- c/ Nguyên tố Calcium thuộc **chu kì 4. Nhóm IIA** trong bảng tuần hoàn
- d/ Kể tên 2 loại thực phẩm chứa nhiều Calcium là **sữa, trứng....**

Câu 7:

Hợp chất	Số lượng nguyên tử	Phân tử chất	KLPT
Potassium oxide	2K, 1O	K_2O	$= 2.39 + 1.16$ $= 94$ (amu)
Zinc sulfite	1Zn, 1S, 3O	$ZnSO_3$	$= 1.65 + 1.32 + 3.16$ $= 145$ (amu)
Aluminium chloride	1Al, 3Cl	$AlCl_3$	$= 1.27 + 3.35,5$ $= 133,5$ (amu)
Sulfuric acid	2H, 1S, 4O	H_2SO_4	$= 2.1 + 1.32 + 4.16$ $= 98$ (amu)